

Bản án số: 54/2022/DS-PT
Ngày: 12 – 4 - 2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Lạc

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trường
Bà Trần Thị Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Nhơn – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Trần Ngọc Bích
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2022/DSST ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 85/2022/QĐPT-DS ngày 21 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Ngọc D**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp D, xã Đ, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang

2. *Bị đơn:*

1. Bà **Đinh Thị C**, sinh năm 1952

2. Ông **Đặng Văn H**

Người đại diện hợp pháp cho ông H: Bà Đinh Thị C. Theo văn bản ủy quyền ngày 21/6/2021.

Cùng địa chỉ: ấp K (LH cũ), xã L, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Đinh Thị C, ông Đặng Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05-5-2021 (được sửa đổi, bổ sung ngày 10/6/2021) và các lời khai khác trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Ngọc D trình bày:

Vào ngày 26/3/2020 (âl) giữa nguyên đơn Nguyễn Thị D và bị đơn bà Đinh Thị C có hợp đồng vay tài sản với nhau, chị cho bà của vay 360.000.000 đồng không tính lãi suất, bà C hứa chuyển nhượng 11 công đất cho chị nhưng quyền sử dụng đất thế chấp ở ngân hàng nên chưa làm thủ tục được, bà C mượn 360.000.000 đồng, có làm biên nhận. Sau khi vay thì bà C cho rằng các con không đồng ý bán nên đề nghị trả tiền lại cho chị, cho đến nay bà C không có trả tiền cho chị. Chị D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà C và ông Đặng Văn H (chồng bà C) có trách nhiệm liên đới trả cho chị số tiền 360.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng tính từ 18/4/2020 đến ngày 07/5/2021 là 12 tháng, số tiền lãi 35.856.000 đồng, tổng cộng vốn, lãi 395.856.000 đồng.

Tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hợp pháp gồm: Biên nhận mượn tiền của bà C ngày 26/3/2020 (âl) , tờ cam kết ngày 18/3/2021 của bà C.

Trong biên bản lấy lời khai đương sự ngày 25/11/2021 và lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Đinh Thị C trình bày: Bà và ông Đặng Văn H thành hôn vào năm 1979 cho đến nay không có đăng ký kết hôn, có 03 con chung đã trưởng thành.

Vào ngày 26/3/2020 (âl) bà có ký tên biên nhận vay tiền của Nguyễn Ngọc D số tiền 360.000.000 đồng do Trương Đình T, ở xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng kêu bà ký nhận, tiền thì T nhận từ bà D, bà không biết T vay tiền để làm gì, sự việc bà có báo cho ông Đặng Văn H (chồng bà C) hay. Sau khi vay thì T không có tiền trả cho bà nên bà chưa có tiền trả lại chị D. Ngày 07/8/2020 (âl) T có làm biên nhận nợ với bà C hứa đến ngày 07/11/2020 T trả tiền nhưng không thực hiện cho đến nay. Nay chị D yêu cầu bà và ông H trả lại số tiền vay vốn, lãi 395.856.000 đồng thì bà không đồng ý, bà khởi kiện anh T khi nào anh T trả tiền bà thì bà trả lại chị D.

Trong biên bản lấy lời khai đương sự ngày 25/11/2021, bị đơn ông Đặng Văn H trình bày: Ông và bà Đinh Thị C thành hôn vào năm 1979 cho đến nay không có đăng ký kết hôn, có 03 con chung đã trưởng thành.

Việc bà C vay tiền của chị D thì ông không biết đến nay ông mới biết là bà C ký nhận vay tiền chị D cho T số tiền 360.000.000 đồng. Nay số tiền này ông và bà C không có khả năng trả để bà C kiện anh T lấy tiền trả lại cho chị D.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DSST ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 15 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959; khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Ngọc D.

Buộc bị đơn Đinh Thị C, Đặng Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho Nguyễn Ngọc D số tiền số tiền vay vốn, lãi 395.856.000 đồng (Ba trăm chín mươi lăm triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong người phải thi hành án dân sự chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 26/01/2022 bị đơn bà Đinh Thị C, ông Đặng Văn H có đơn kháng cáo nội dung như sau: yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc D.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bà Đinh Thị C, ông Đặng Văn H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:**

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Xét kháng cáo của bị đơn Đinh Thị C, ông Đặng Văn H không được nguyên đơn D đồng ý, bị đơn cũng không bổ sung chứng cứ chứng minh cho nội dung kháng cáo không đồng ý trả nợ cho nguyên đơn nên chưa đủ cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, việc bị đơn C vay của chị D số tiền 360.000.000đ là thực tế có xảy ra, việc vay có làm biên nhận, tờ cam kết (BL 05-06) và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn C cũng thừa nhận là bị đơn có ký giấy nợ từ đó nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 0,83% trên tháng tính từ ngày cam kết trả nợ đến ngày xét xử sơ thẩm là có lợi cho bị đơn đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định

tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ đó nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 0,83% là có lợi cho bị đơn, được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận. Nhưng bị đơn cho rằng không nhận tiền vay vì ký dùm cho con nuôi tên Trương Đình T nên không đồng ý khởi kiện của nguyên đơn. Từ phân tích trên, quan điểm của Kiểm sát viên:

Áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Đinh Thị C và ông Đặng Văn H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 18/01/2022 Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử và tuyên án sơ thẩm. Ngày 26/01/2022 bà Đinh Thị C, ông Đặng Văn H có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 và được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm được qui định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Ngày 26/3/2020 bà Đinh Thị C có vay của bà Nguyễn Ngọc D số tiền 360.000.000đ có làm biên nhận (bút lục số 6) và có viết cam kết (bút lục số 5). Bà C thừa nhận chữ ký và chữ viết trong biên nhận và tờ cam kết là của bà C. Trong tờ biên nhận thể hiện bà C hứa đến ngày 26/8/2020 sẽ trả đủ số tiền cho bà D. Nhưng đến hạn bà C không thực hiện nghĩa vụ của mình nên bà D khởi kiện yêu cầu bà C trả tiền và yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng từ ngày 18/4/2020 đến ngày 07/5/2021 là 12 tháng. Tòa án cấp sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử. Bà C và ông H không đồng ý như Bản án sơ thẩm đã tuyên nên kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Ngọc D.

Xét kháng cáo của bị đơn bà Đinh Thị C, ông Đặng Văn H:

Bà C kháng cáo cho rằng bà chỉ ký vào biên nhận nhưng không nhận tiền. Tiền là do anh Trương Đình T nhận. Nay anh T chưa trả cho bà nên bà khởi kiện anh T khi nào anh T trả bà bà mới trả cho bà D là không có căn cứ. Bởi lẽ, bà là người trực tiếp ký vào biên nhận nhận tiền và viết tờ cam kết thì bà phải thực hiện

nghĩa vụ của mình và chịu trách nhiệm đối với bà D. Còn giao dịch giữa bà và anh T khi nào bà có đủ căn cứ thì khởi kiện đòi anh T ở một vụ kiện khác. Nay bà D có đủ căn cứ để khởi kiện bà yêu cầu bà trả số tiền 360.000.000đ yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng từ ngày 18/4/2020 đến ngày 07/5/2021 là 12 tháng là có căn cứ phù hợp Điều 463, 466 Bộ luật dân sự. Bà D yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng là có lợi cho bị đơn. Do đó kháng cáo của bị đơn Đinh Thị C là không có căn cứ để chấp nhận.

Về việc bà C yêu cầu mời anh Trương Đình T: việc vay mượn tiền và có biên nhận. Bà C là người trực tiếp ký vào biên hận nhận nợ. Tại cấp sơ thẩm cũng đã xác minh theo biên bản xác minh ngày 27/12/2021 tại xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thể hiện: Ở địa phương không có ai tên Trương Đình T sinh năm 1965. Việc cung cấp họ tên, năm sinh, địa chỉ cũng không rõ ràng. Ông T là người ký biên nhận nợ tiền với bà C thì có trách nhiệm với bà C không liên quan gì với giao dịch giữa bà C và bà D.

Từ nhận định trên:

Xét kháng cáo của bà Đinh Thị C, ông Đặng Văn H là không có căn cứ.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ.

Về án phí:

- Án phí phúc thẩm: bà Đinh Thị C, ông Đặng Văn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 14; khoản 2 Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 15 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959; khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

[1]. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đinh Thị C, ông Đặng Văn H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2022/DSST ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Ngọc D.

Buộc bị đơn bà Đinh Thị C, ông Đặng Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho Nguyễn Ngọc D số tiền số tiền vay vốn, lãi 395.856.000 đồng (Ba trăm chín mươi lăm triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong người phải thi hành án dân sự chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Đinh Thị C, ông Đặng Văn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- CA: 01;
- TACC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND huyện Trà Ôn: 01;
- VKSND huyện Trà Ôn: 01;
- Chi Cục THADS huyện Trà Ôn: 01;
- Đường sự: 05;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Văn Lạc